

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/DS-ST  
Ngày 22-4-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Phan Việt Xô.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Hồ Quang Minh.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Mỹ Tiên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Bà Võ Hồng N, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án ông Lê Văn V trình bày:

Trước năm 2015, ông có bán thức ăn nuôi tôm cho ông Trần Văn T và bà Võ Hồng N nhiều lần, đến ngày 29/3/2015 đôi bên làm giấy xác nhận ông T còn nợ ông số tiền là 283.018.000 đồng.

Do ông T không có tiền trả, nên cho ông thuê hầm nuôi tôm để trừ nợ, giá thuê mỗi năm 25.000.000 đồng, ông thuê được 03 năm với số tiền 75.000.000 đồng.

Từ khi xác nhận nợ đến nay, ông T và bà N chưa trả, ông đồng ý trừ số tiền thuê hầm nuôi tôm 75.000.000 đồng và giảm số tiền 11.018.000 đồng cho ông T và bà N. Vậy, ông T và bà N còn nợ ông số tiền 197.000.000 đồng.

Nay, ông yêu cầu ông T và bà N trả ông số tiền 197.000.000 đồng.

Đối với ông Trần Văn T và bà Võ Hồng N trong quá trình tố tụng từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không có ý kiến phản hồi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Trần Văn T và bà Võ Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại giấy xác nhận nợ ngày 29/3/2015, ông Trần Văn T ký tên thừa nhận nợ ông V số tiền 283.018.000 đồng. Xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ như: Bản án số 291/2022/DS-ST ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, Bản án số 83/2023/DS-PT ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Đơn đề nghị ngày 16/3/2023 của ông Trần Văn T và bà Võ Hồng N thể hiện ông T và bà N có nợ ông V số tiền 283.018.000 đồng; ông T và bà N không đồng ý trả cho ông V với lý do ông V còn nợ ông, bà số tiền thuê hàm nuôi tôm là 300.000.000 đồng và tiền mua trang thiết bị là 38.700.000 đồng; trừ vào số tiền nợ ông V (283.018.000 đồng) ông, bà không còn nợ tiền ông V.

Tuy nhiên, với lý do ông T và bà N đặt ra, ông T và bà N đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết bằng Bản án số 291/2022/DS-ST ngày 11/11/2022, được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau giải quyết bằng Bản án số 83/2023/DS-PT ngày 16/3/2023, đều tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T và bà Võ Hồng N yêu cầu ông Lê Văn V thanh toán số tiền 338.700.000 đồng (tiền thuê hàm nuôi tôm là 300.000.000 đồng và tiền mua trang thiết bị là 38.700.000 đồng). Nên, lý do ông T và bà N đặt ra là không có căn cứ.

Ông V thừa nhận nợ tiền thuê hàm nuôi tôm của ông T và bà N là 75.000.000 đồng và đồng ý giảm số tiền 11.018.000 đồng, còn lại số tiền 197.000.000 đồng (283.018.000 đồng - 86.018.000 đồng = 197.000.000 đồng) yêu cầu ông T và bà N trả cho ông. Do đó, yêu cầu của ông V có căn cứ chấp nhận và đúng theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn: 197.000.000 đồng X 5% = 9.850.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền ông V nộp tạm ứng án phí được nhận lại.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V đối với ông Trần Văn T và bà Võ Hồng N.

Buộc ông Trần Văn T và bà Võ Hồng N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn V số tiền 197.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông T và bà N phải chịu 9.850.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp 5.200.000 đồng theo biên lai thu số 0007193 ngày 04/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA TÒA**

**Phan Việt Xô**

